

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4216 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày 14 tháng 11 năm 2023*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Dự án: Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ  
đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư số 10/2015/TT-*

*BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát;*

*Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo tác động môi trường dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát;*

*Theo Quyết định số 8393/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Phù Mỹ về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025;*

*Theo Quyết định số 10789/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Phù Mỹ về việc Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 và Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện Phù Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 799/BC-SKHĐT ngày 08/11/2023, đề nghị của của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1858/SGTVT-GT ngày 25/9/2023 và đề nghị của UBND huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 233/TTr-UBND ngày 12/10/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát, với nội dung chính như sau:

### **1. Phê duyệt dự án đầu tư**

**a. Chủ đầu tư:** UBND huyện Phù Mỹ.

**b. Mục tiêu đầu tư:** Nhằm mở rộng không gian huyện Phù Mỹ về phía Đông và kết nối giao thông với huyện Phù Cát, tạo điều kiện giao thương giữa các vùng được thuận lợi, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.

**c. Quy mô đầu tư xây dựng:** Xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005), với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chiều dài xây dựng tuyến:  $L = 11,3\text{km}$ .
- Tốc độ thiết kế:  $V = 60\text{km/h}$ .
- Bề rộng nền đường:  $B_{\text{nền}} = 9\text{m}$ ; trong đó:
- + Bề rộng mặt đường:  $B_{\text{mặt}} = 7\text{m}$ .

- + Bề rộng lề đường:  $B_{lề} = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$ .
- Tải trọng trục tiêu chuẩn:  $P_s = 100\text{kN}$ .
- Tải trọng thiết kế cầu, cống hộp lớn HL93; tải trọng thiết kế cống H30.
- Tần suất thiết kế cầu  $P = 1\%$ ; nền đường, cầu nhỏ và cống  $P = 4\%$ .
- Bề rộng cầu, cống phù hợp với khổ nền đường.
- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đi nổi trên toàn tuyến.

#### ***d. Phương án giải pháp thiết kế:***

##### ***- Nền đường:***

+ Nền đắp: Đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95, lớp sát móng độ chặt đạt K98 dày 50cm, mái taluy nền đắp  $m = 1,5$ .

+ Nền đào: Lớp sát móng lu lèn độ chặt đạt K98, mái taluy nền đào  $m = 1$ .

##### ***- Kết cấu mặt đường:***

+ Đối với đoạn mặt đường xây dựng mới (đoạn  $\text{Km}0+00-\text{Km}9+080$ ): Lớp BTXM M300, đá  $D_{\max} = 40\text{mm}$  dày 25cm; cường độ chịu kéo uốn  $4,0\text{MPa}$  (có thanh truyền lực); lớp cấp phối đá dăm  $D_{\max} = 25\text{mm}$  dày 18cm.

+ Đối với đoạn mặt đường bê tông xi măng hiện trạng tận dụng hoàn toàn (đoạn  $\text{Km}9+885-\text{Km}12+100$ ): Bù vênh và thảm lớp bê tông nhựa C16 dày 05cm, bên dưới là lớp lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh.

+ Đối với các đoạn mặt đường bê tông xi măng hiện trạng tận dụng xây dựng mở rộng: Lớp bê tông xi măng M300, đá  $D_{\max} = 40\text{mm}$  dày 22cm, lớp cấp phối đá dăm  $D_{\max} = 25\text{mm}$  dày 18cm, lớp lưới địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh, tiến hành bù vênh mặt đường hiện trạng và thảm lớp bê tông nhựa C16 dày 05cm.

##### ***- Công trình thoát nước***

+ Công trình cầu: Xây dựng cầu Trà Thanh,  $\text{Km}0+063,85$  trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế  $P = 1\%$ .

.Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp giản đơn dài  $L = 24\text{m}$ , dạng dầm bản rộng. Mặt cắt ngang gồm 12 dầm, chiều cao dầm  $H_d = 88\text{cm}$ , bản mặt cầu dày 18cm được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu:  $B_{\text{cầu}} = 12,0\text{m}$ .

.Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính  $D = 1,0\text{m}$ .

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Công trình cầu: Xây dựng cầu Trung Thành tại  $\text{Km}0+909,16$  trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế  $P = 1\%$ .

.Sơ đồ cầu gồm 01 nhịp giản đơn dài  $L = 33\text{m}$ , dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 04 dầm, cự ly tim dầm  $a = 245\text{cm}$ , chiều cao dầm  $H_d = 165\text{cm}$ , bản mặt cầu dày 20cm.

.Bề rộng cầu:  $B_{\text{cầu}} = 9\text{m} + 0,5\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ .

.Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính  $D = 1,0\text{m}$ .

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Công trình cầu: Xây dựng cầu Trinh Thượng tại Km11+124,91 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế  $P = 1\%$ .

.Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp giản đơn dài  $L = 33\text{m}$ , dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 04 dầm, cự ly tim dầm  $a = 245\text{cm}$ , chiều cao dầm  $H_d = 165\text{cm}$ , bản mặt cầu dày  $20\text{cm}$  được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu:  $B_{\text{cầu}} = 9\text{m} + 0,5\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ .

.Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính  $D = 1,0\text{m}$ .

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Cống thoát nước trên tuyến:

.Cống hộp lớn thoát nước ngang: Toàn tuyến xây dựng 07 cống hộp  $n \times (B \times H)$  các loại : 01 cống hộp  $2 \times (3\text{m} \times 2,2\text{m})$ , 01 cống hộp  $1 \times (3\text{m} \times 2,2\text{m})$ , 01 cống hộp  $2 \times (6\text{m} \times 2,5\text{m})$ , 01 cống hộp  $1 \times (4\text{m} \times 2\text{m})$ , 01 cống hộp  $2 \times (3\text{m} \times 2\text{m})$ , 02 cống hộp  $1 \times (2,5\text{m} \times 2,5\text{m})$  bằng bê tông cốt thép, tường đầu tường cánh bằng bê tông xi măng, có bề rộng phù hợp với khổ đường.

.Cống nhỏ các loại: Toàn tuyến xây dựng 54 cống hộp nhỏ bằng bê tông cốt thép, bê tông ly tâm khẩu độ từ  $75\text{cm}$  đến  $200\text{cm}$ , tường đầu tường cánh bằng bê tông xi măng, có bề rộng phù hợp với khổ đường.

+ Rãnh thoát nước trên tuyến:

.Xây dựng rãnh thoát nước dọc tại một số đoạn qua khu dân cư dạng hình chữ nhật có kết cấu bằng bê tông cốt thép, tấm đan bằng bê tông cốt thép.

.Xây dựng rãnh thoát nước dọc tại một số đoạn nền đào có độ dốc lớn dạng hình thang bằng tấm bê tông xi măng lắp ghép.

- *Mái taluy nền đường*: Các đoạn xung yếu đối với nền đường đắp, mái taluy được gia cố bằng bê tông xi măng dày  $12\text{cm}$ , mái taluy đối với nền đường thông thường lát văng cỏ.

- *Nút giao thông, đường giao dân sinh*: Trên tuyến thiết kế các nút giao, đường giao có kết cấu mặt đường phù hợp với tuyến chính, nút giao dạng giao cùng mức, phân luồng giao thông bằng hệ thống vạch sơn, biển báo.

- *Cải mương*: Thiết kế hoàn trả các mương hiện trạng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Hệ thống an toàn giao thông*: Xây dựng cọc tiêu, biển báo, vạch sơn đường, cột Km, cọc H, tường hộ lan tôn sóng theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- *Hệ thống điện chiếu sáng*:

+ Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng đi nổi trên lề đường, với hệ thống đường dây chiếu sáng dài  $L = 11.977\text{m}$  và cột điện chiếu sáng sử dụng loại cột bê tông li tâm  $H = 8,5\text{m}$ , cột thép và cột hiện có (*bằng bê tông li tâm*), đèn Led 120W-180W, nhiệt độ màu 5.000K-6.000K, khoảng cách trung bình giữa 02 cột chiếu sáng là 30m - 35m và hệ thống chiếu sáng được điều khiển qua 04 tủ điều khiển.

+ Xây dựng mới đường dây 0,4kV dài  $L = 877\text{m}$  cấp nguồn cho tủ điều khiển.

#### ***đ. Phương án GPMB, tái định cư***

- Phạm vi GPMB: Phạm vi GPMB đến chân taluy hoặc mép ngoài của công trình đối với các đoạn qua khu dân cư và tính từ mép ngoài cùng của taluy hoặc mép ngoài của công trình trở ra mỗi bên 1,0m; đối với công trình thoát nước GPMB đến phạm vi dự kiến bị sa bồi thủy phá.

- Tái định cư: Khoảng 51 hộ bị ảnh hưởng một phần (*xã Mỹ Quang: 06 hộ, xã Mỹ Cát: 27 hộ, xã Cát Minh: 18 hộ*) và 05 ngôi nhà giải tỏa trắng dự kiến bố trí tái định cư vào khu dân cư đập Cây Kê và bố trí tái định cư lùi trên tuyến, không xây dựng khu tái định cư.

- Xây dựng hệ thống cọc mố lộ giới bằng bê tông xi măng trên tuyến để quản lý chỉ giới theo quy hoạch.

***e. Phân kỳ đầu tư xây dựng:*** Dự án phân kỳ đầu tư chia làm 2 giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn 1 (Năm 2023 - 2025): Đầu tư xây dựng các hạng mục:

+ Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

+ Xây dựng nền đường và toàn bộ công trình thoát nước trên toàn tuyến. Xây dựng mở rộng mặt đường hiện trạng bằng bê tông xi măng đoạn từ Km9+080 (*điểm cuối dự án Xây dựng cầu Bờ Mun*) đến cuối tuyến.

- Giai đoạn 2 (Năm 2025 – 2026): Đầu tư xây dựng các hạng mục:

+ Xây dựng hoàn thiện mặt đường trên toàn tuyến.

+ Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng và các hạng mục còn lại.

#### ***g. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng***

- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Mỹ và Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích chiếm đất:  $246.428,73\text{m}^2$ . Trong đó:

+ Diện tích chiếm đất vĩnh viễn:  $235.572,14\text{m}^2$ .

+ Diện tích chiếm đất tạm thời:  $10.856,59\text{m}^2$ .

***h. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:*** Công trình giao thông đường bộ; dự án nhóm B; công trình cấp III.

***i. Tổng mức đầu tư dự án: 434.308.422.000 đồng*** (*Bốn trăm ba mươi bốn tỷ, ba trăm lẻ tám triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

| TT               | Cơ cấu nội dung chi phí  | Tổng mức đầu tư dự án | Kinh phí thực hiện giai đoạn 1 | Kinh phí thực hiện giai đoạn 2 |
|------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| 1                | Chi phí xây dựng         | 206.730.227           | 141.120.385                    | 65.609.842                     |
| 2                | Chi phí QLDA             | 3.134.782             | 2.139.898                      | 994.884                        |
| 3                | Chi phí tư vấn ĐTXD      | 11.581.702            | 8.755.436                      | 2.826.266                      |
| 4                | Chi phí khác             | 10.293.184            | 9.616.352                      | 676.832                        |
| 5                | Chi phí bồi thường, GPMB | 133.444.368           | 133.444.368                    | 0                              |
| 6                | Chi phí dự phòng         | 69.124.159            | 55.853.750                     | 13.270.409                     |
| <b>Tổng cộng</b> |                          | <b>434.308.422</b>    | <b>350.930.189</b>             | <b>83.378.233</b>              |

**k. Tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2023 - 2026.

**l. Nguồn vốn đầu tư:** Thực hiện theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể: Vốn đầu tư công của tỉnh, vốn đầu tư công huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát và các nguồn vốn hợp pháp khác.

**m. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**n. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** UBND huyện Phù Mỹ, UBND huyện Phù Cát chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, lập phương án bồi thường, GPMB, tái định cư theo quy định.

**2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:** Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** UBND huyện Phù Mỹ phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Phù Mỹ, Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.(M.12b) 

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC**  
**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TƯ VẤN**  
**Dự án: Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát.**  
*(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     /11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| TT | Tên gói thầu                                                                 | Giá gói thầu<br>(1.000 đồng)                                                                                               | Nguồn<br>vốn          | Hình thức<br>lựa chọn<br>nhà thầu   | Phương thức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Thời gian<br>tổ chức lựa<br>chọn nhà<br>thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian<br>thực hiện<br>hợp đồng |
|----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 1  | Cầm cọc GPMB xây dựng                                                        | 916.238                                                                                                                    | Vốn<br>đầu tư<br>công | Chỉ định<br>thầu                    | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trọn<br>gói         | 45 ngày                            |
| 2  | Cầm cọc   mốc lộ giới                                                        | 316.527                                                                                                                    |                       | Chỉ định<br>thầu                    | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trọn<br>gói         | 30 ngày                            |
| 3  | Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu khảo sát, lập thiết kế BVTC - Dự toán | 6.661                                                                                                                      |                       | Tự thực<br>hiện                     | Thoả thuận<br>giao việc             | Quý<br>IV/2023                               | Trọn<br>gói         | 25 ngày                            |
| 4  | Tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán                      | <b>3.663.623</b><br><i>(Trong đó: Chi phí<br/>khảo sát: 1.627.618;<br/>chi phí thiết kế BVTC<br/>– Dự toán: 2.036.005)</i> |                       | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>qua<br>mạng | Một giai<br>đoạn, hai túi<br>hồ sơ  | Quý<br>IV/2023                               | Trọn<br>gói         | 30 ngày                            |
| 5  | Lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn lập thiết kế BVTC – Dự toán                  | 48.829                                                                                                                     |                       | Tự thực<br>hiện                     | Thoả thuận<br>giao việc             | Quý<br>IV/2023                               | Trọn<br>gói         | 05 ngày                            |

| TT                                                                                                                       | Tên gói thầu                                                | Giá gói thầu<br>(1.000 đồng) | Nguồn<br>vốn          | Hình thức<br>lựa chọn<br>nhà thầu | Phương thức<br>lựa chọn nhà<br>thầu | Thời gian<br>tổ chức lựa<br>chọn nhà<br>thầu | Loại<br>hợp<br>đồng | Thời gian<br>thực hiện<br>hợp đồng |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 6                                                                                                                        | Giám sát khảo sát giai đoạn<br>lập thiết kế BVTC và dự toán | 59.304                       | Vốn<br>đầu tư<br>công | Chỉ định<br>thầu                  | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trộn<br>gói         | 15 ngày                            |
| 7                                                                                                                        | Tư vấn thẩm tra thiết kế bản<br>vẽ thi công và dự toán      | 298.299                      |                       | Chỉ định<br>thầu                  | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trộn<br>gói         | 15 ngày                            |
| 8                                                                                                                        | Chi phí rà phá bom mìn                                      | 947.929                      |                       | Chỉ định<br>thầu (*)              | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trộn<br>gói         | 45 ngày                            |
| 9                                                                                                                        | Chi phí bảng Pano quy hoạch                                 | 200.000                      |                       | Chỉ định<br>thầu                  | Thương thảo<br>hợp đồng             | Quý<br>IV/2023                               | Trộn<br>gói         | 30 ngày                            |
| Tổng cộng giá trị các gói thầu: 6.457.410.000 đồng<br>(Sáu tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm mười nghìn đồng)./. |                                                             |                              |                       |                                   |                                     |                                              |                     |                                    |

Ghi chú: (\*) Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 22 của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013.